

BẢN SO SÁNH, THUYẾT MINH NỘI DUNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG PHÂN CẤP NGUỒN THU, NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ TỶ LỆ PHÂN TRĂM PHẦN CHIA GIỮA NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ NGÂN SÁCH CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LAI CHÂU

(Kèm theo Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2026 của Sở Tài chính Lai Châu)

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
A	PHÂN CẤP NGUỒN THU			A	PHÂN CẤP NGUỒN THU			17.738.992	
1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			1	Thu từ doanh nghiệp do Trung ương quản lý			1.401.841	
a	Thuế tài nguyên	100		a	Thuế tài nguyên			995.575	
b	Thuế giá trị gia tăng	100		b	Thuế giá trị gia tăng			389.752	
	Trong đó: Thuế GTGT khấu trừ đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản		100		Trong đó: Thuế GTGT khấu trừ đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản				
c	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		c	Thuế thu nhập doanh nghiệp			16.514	
2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần, Công ty TNHH và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu			2	Thu từ doanh nghiệp do địa phương quản lý, Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, Công ty Cổ phần, Công ty TNHH và chi nhánh các doanh nghiệp tỉnh khác đóng trên địa bàn tỉnh do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu			736.336	
a	Thuế tài nguyên (trừ Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống và thuế tài nguyên được phép khai thác trong quá trình thi công công trình)	100		a	Thuế tài nguyên (trừ Thuế tài nguyên nước các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống và thuế tài nguyên được phép khai thác trong quá trình thi công công trình)			375.974	
b	Thuế giá trị gia tăng	100		b	Thuế giá trị gia tăng			332.497	
	Trong đó: Thuế GTGT khấu trừ đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản		100		Trong đó: Thuế GTGT khấu trừ đối với các khoản thanh toán khối lượng các công trình, hạng mục công trình xây dựng cơ bản				
c	Thuế thu nhập doanh nghiệp	100		c	Thuế thu nhập doanh nghiệp			27.865	
d	Thu hoàn vốn (Doanh nghiệp có vốn tham gia của Nhà nước)	100		d	Thu hoàn vốn (Doanh nghiệp có vốn tham gia của Nhà nước)				
3	Thu từ hoạt động kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp tỉnh khác kinh doanh trên địa bàn xã, phường do cơ quan cấp xã quản lý thu			3	Thu từ hoạt động kinh doanh của các tổ chức, doanh nghiệp, Hợp tác xã, Liên hiệp hợp tác xã, doanh nghiệp tỉnh khác kinh doanh trên địa bàn xã, phường do cơ quan cấp xã quản lý thu			344.466	
a	Thuế tài nguyên (Bao gồm cả các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống và thuế tài nguyên được phép khai thác trong quá trình thi công công trình)		100	a	Thuế tài nguyên (Bao gồm cả các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống và thuế tài nguyên được phép khai thác trong quá trình thi công công trình)			126.476	

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HDND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
b	Thuế giá trị gia tăng		100	b	Thuế giá trị gia tăng			206.327	
c	Thuế thu nhập doanh nghiệp		100	c	Thuế thu nhập doanh nghiệp			11.663	
4	Thu hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân			4	Thu hoạt động kinh doanh của hộ gia đình, cá nhân			29.999	
a	Thuế tài nguyên		100	a	Thuế tài nguyên			24	
b	Thuế giá trị gia tăng		100	b	Thuế giá trị gia tăng			29.674	
c	Thuế tiêu thụ đặc biệt		100	c	Thuế tiêu thụ đặc biệt			301	
5	Thu tiền cho thuê mặt nước			5	Thu tiền cho thuê mặt nước			0	
a	Tổ chức, doanh nghiệp	100		a	Tổ chức, doanh nghiệp				
b	Cá nhân, hộ gia đình		100	b	Cá nhân, hộ gia đình				
6	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			6	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			7.979	Sửa tên cho cho đồng nhất với tên gọi tại điểm c, khoản 3 và tại STT 6 điểm a, khoản 4 Điều 1 của nội dung dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung
a	Tiền cho thuê nhà			-	Do cơ quan đơn vị tỉnh quản lý	100			Theo quy định tại khoản 1 Điều 58 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24/7/2024 của Chính phủ được sửa đổi bổ sung tại Điều 21 Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09/02/2026, trong đó cấp xã được quy định: “1a. Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã làm đại diện chủ sở hữu nhà ở thuộc tài sản công thì Ủy ban nhân dân cấp xã đồng thời là cơ quan quản lý nhà ở thuộc tài sản công”. Đồng thời tại điểm b, khoản 1, Điều 60 quy định “b) Đối với số tiền thu được từ việc cho thuê mua, bán nhà ở thì sau khi khấu trừ các chi phí thực hiện bán nhà ở, bên bán nhà ở phải nộp vào ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này”. Do vậy, đề nghị xem xét chuyển khoản thu này từ khoản thu ngân sách cấp tỉnh hướng 100% thành khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách cấp xã, nhằm tăng cường phân cấp nguồn thu cho cấp xã, gắn với lợi thế của từng địa phương.
-	Do cơ quan đơn vị tỉnh quản lý	100		-	Do cơ quan đơn vị cấp xã quản lý		100		
-	Do cơ quan đơn vị cấp xã quản lý		100						
b	Tiền bán nhà ở	100							
7	Thu từ xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán	100		7	Thu từ hoạt động xổ số	100		29.082	Sửa tên khoản thu cho đồng nhất với tên gọi tại điểm g, khoản 1 Điều 38 Luật SSNN số 89/2025/QH15 và điểm g Điều 5 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính và Khoản 2 Điều 36 dự thảo Luật SSNN hợp nhất

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
8	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế, cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu	100		8	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế, cổ tức được chia bằng tiền, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do UBND tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan đại diện chủ sở hữu			1.556	
9	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương	100		9	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương			0	
10	Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			10	Thu nộp ngân sách nhà nước từ khai thác, xử lý tài sản công theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công			2.237	
a	Cơ quan cấp tỉnh quản lý	100		a	Cơ quan cấp tỉnh quản lý			366	
b	Cơ quan cấp xã quản lý		100	b	Cơ quan cấp xã quản lý			1.871	
11	Viện trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật			11	Viện trợ không hoàn lại của tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân nước ngoài theo quy định của pháp luật			0	
a	Nộp ngân sách tỉnh	100		a	Nộp ngân sách tỉnh				
b	Nộp ngân sách xã, phường		100	b	Nộp ngân sách xã, phường				
12	Phí (trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản) thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thực hiện; Phí thu từ hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật			12	Phí (trừ phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản) thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước thực hiện; Phí thu từ hoạt động dịch vụ công do đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước hiện, tổ chức thực hiện sau khi trừ phần được trích lại để bù đắp chi phí theo quy định của pháp luật			15.837	
a	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		a	Do các đơn vị cấp tỉnh thu			10.182	
b	Do các đơn vị cấp xã thu		100	b	Do các đơn vị cấp xã thu			5.655	
13	Các khoản Lệ phí theo quy định của pháp luật			13	Các khoản Lệ phí theo quy định của pháp luật			13.744	
a	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		a	Do các đơn vị cấp tỉnh thu			6.341	
b	Do các đơn vị cấp xã thu		100	b	Do các đơn vị cấp xã thu			7.403	

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép	100		14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của trung ương cấp phép phân ngân sách địa phương được hưởng theo quy định; Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, tài nguyên nước do cơ quan có thẩm quyền của địa phương cấp phép			200.541	Sửa tỷ lệ phân chia từ khoản thu ngân sách tỉnh hưởng 100% thành khoản thu phân chia giữa ngân sách tỉnh và ngân sách xã
				a	Thu tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước			177.075	Tại Nghị quyết 79/2025/NQ-HĐND thì khoản thu này phân chia ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%, đề xuất phân cấp để phát huy tối đa lợi thế của các địa phương có khoáng sản, tài nguyên nước, góp phần nâng dần mức độ tự chủ tự cân đối của ngân sách địa phương; để tạo nguồn thu cho ngân sách cấp xã.
				-	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình thủy điện				
				+	Từ các công trình thủy điện có công suất thiết kế trên 15 MW	100		163.975	
				+	Từ các công trình thủy điện có công suất thiết kế từ 15 MW trở xuống. Trường hợp công trình thủy điện có diện tích lòng hồ nằm chung trên địa bàn các xã thực hiện phân chia cho các xã áp dụng theo chỉ tiêu diện tích lòng hồ		100	13.100	
				-	Tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước còn lại		100		
				b	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		100	23.466	
15	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện			15	Thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước địa phương thực hiện			28.408	
a	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp tỉnh quản lý ra quyết định	100		a	Thu phạt, tịch thu do cơ quan cấp tỉnh quản lý ra quyết định				
b	Thu phạt, tịch thu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ra quyết định		100	b	Thu phạt, tịch thu do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường ra quyết định				
16	Huy động, đóng góp tự nguyện của tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước (Theo quy định của pháp luật)			16	Các khoản huy động tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho các cơ quan do địa phương quản lý			296.022	Sửa đổi, bổ sung khoản thu này để đảm bảo tính thống nhất với quy định tại điểm r, khoản 1 Điều 5 Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25/3/2026 của Bộ Tài chính và tăng tính chủ động cho ngân sách cấp xã trong bối cảnh nguồn thu cân đối tại chỗ của cấp xã còn hạn hẹp, khoản thu đóng góp tự nguyện này là nguồn lực quan trọng giúp giảm bớt áp lực chi đầu tư phát triển từ ngân sách cấp tỉnh bổ sung cho ngân sách cấp xã.
a	Nộp ngân sách tỉnh	100		a	Các khoản huy động tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh.	100		296.022	
b	Nộp ngân sách xã, phường		100	b	Các khoản huy động, tài trợ, đóng góp tự nguyện bằng tiền của cơ quan, tổ chức, cá nhân cho ngân sách cấp xã theo quy định của pháp luật; các khoản đóng góp theo nguyên tắc tự nguyện để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng do Hội đồng nhân dân xã, phường quyết định đưa vào ngân sách cấp xã quản lý.		100		
17	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật)			17	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật)			6.577	

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
a	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý	100		a	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh xử lý				
b	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp xã xử lý		100	b	Cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp xã xử lý				
18	Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật			18	Thu hoạt động sự nghiệp theo quy định của pháp luật				
a	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu	100		a	Do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thu				
b	Do cơ quan, đơn vị cấp xã thu		100	b	Do cơ quan, đơn vị cấp xã thu				
19	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	100		19	Thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa		100	515	Đề xuất điều chỉnh phân cấp cho cấp xã hưởng 100% khoản thu này để cấp xã có thêm nguồn lực thực hiện các hoạt động quy định tại khoản 2, Điều 15 Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa . Số thu các năm: Năm 2023: 3.628 trđ; Năm 2024: 2.335 trđ; Năm 2025: 515 trđ; Thu đến 15/8/2026: 12 trđ
20	Thuế thu nhập cá nhân			20	Thuế thu nhập cá nhân			77.333	
a	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh	100		a	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh			372	
b	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp xã		100	b	Người lao động tại các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu; Cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị cấp xã				
c	Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế		100	c	Thu nhập cá nhân từ quà tặng và thừa kế			8	
d	Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn, chuyển nhượng bất động sản			d	Thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn, đầu tư vốn, chuyển nhượng bất động sản			26.273	
-	Do cấp tỉnh quản lý thu	100		-	Do cấp tỉnh quản lý thu			13.678	
-	Do cấp xã quản lý thu		100	-	Do cấp xã quản lý thu			12.595	
đ	Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước			đ	Thuế thu nhập cá nhân do các cơ quan, tổ chức khấu trừ tại nguồn để nộp ngân sách nhà nước			31.053	
-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước	100		-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu thuế và các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước			31.053	
-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế và do UBND xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước		100	-	Do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu thuế và do UBND xã, phường thực hiện khấu trừ của người nộp thuế để nộp ngân sách nhà nước				
e	Thuế thu nhập cá nhân của hộ, cá nhân kinh doanh		100	e	Thuế thu nhập cá nhân của hộ, cá nhân kinh doanh			13.306	
f	Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác			f	Thuế thu nhập cá nhân từ các khoản thu nhập khác			6.321	
-	Do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu	100		-	Do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu			5.422	

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
-	Do cơ quan cấp xã quản lý thu		100	-	Do cơ quan cấp xã quản lý thu			899	
21	Thuế tiêu thụ đặc biệt			21	Thuế tiêu thụ đặc biệt				
a	Các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu	100		a	Các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp tỉnh quản lý thu				
b	Các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu		100	b	Các tổ chức kinh tế do cơ quan cấp xã quản lý thu				
22	Thuế bảo vệ môi trường ngân sách địa phương được hưởng theo quy định	100		22	Thuế bảo vệ môi trường ngân sách địa phương được hưởng theo quy định			76.374	
23	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp	100		23	Thuế thu nhập chuyển quyền sử dụng đất do các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế nộp		100	0	Đề xuất sửa khoản thu này từ ngân sách tỉnh hưởng 100% về ngân sách xã, phường hưởng 100% nhằm tạo nguồn thu, tăng nguồn thu cho cấp cơ sở, phát huy lợi thế của địa phương. Khoản thu này phát sinh trong trường hợp có giao dịch, chuyển quyền sử dụng đất của các doanh nghiệp, tổ chức.
24	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		100	24	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			0	
25	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		100	25	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			364	
26	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			26	Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản			9.977	
a	Cơ quan cấp tỉnh quản lý thu	100		a	Cơ quan cấp tỉnh quản lý thu			1.653	
b	Cơ quan cấp xã quản lý thu		100	b	Cơ quan cấp xã quản lý thu			8.324	
27	Các khoản phí theo quy định của pháp luật			27	Các khoản phí theo quy định của pháp luật				
a	Do các đơn vị cấp tỉnh thu	100		a	Do các đơn vị cấp tỉnh thu				
b	Do các đơn vị cấp xã thu		100	b	Do các đơn vị cấp xã thu				
28	Lệ phí trước bạ		100	28	Lệ phí trước bạ			95.712	
29	Thu tiền sử dụng đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, trừ thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định tại điểm h Khoản 1, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15			29	Thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)			94.318	Sửa tên khoản thu tiền sử dụng đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật NSNN số 89/2025/QH15, trừ thu tiền thuê đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định tại điểm h khoản 1, Điều 36 Luật NSNN số 89/2025/QH15 thành “Thu tiền sử dụng đất (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)”; Lý do, để đảm bảo ngắn gọn và ổn định đồng nhất sau khi Quốc hội ban hành Luật Ngân sách hợp nhất và tỷ lệ phần trăm ngân sách địa phương hưởng đã được quy định trong Luật Ngân sách Nhà nước.

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
a	Thu từ quỹ đất tạo ra bởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng để đầu giá quyền sử dụng đất.Trường hợp dự án sử dụng đất có diện tích trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên thì tiền sử dụng đất phân ngân sách xã, phường được hưởng thực hiện phân chia theo chỉ tiêu diện tích.			a	Đối với khoản thu từ quỹ đất tạo ra bởi các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng để đầu giá quyền sử dụng đất			71.920	
-	Dự án do ngân sách cấp tỉnh đầu tư	70	30	-	Các dự án do ngân sách cấp tỉnh cân đối (gồm chi phí giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng...)	100			Các dự án do ngân sách cấp tỉnh cân đối (gồm chi phí giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng...): Cấp tỉnh hưởng 100% để đảm bảo khắc phục bất cập trong tổ chức thực hiện đó là: Tỷ lệ ngân sách tỉnh hưởng theo Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND tỉnh không đủ để bù đắp chi phí chi phí thực hiện dự án (gồm chi phí giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng...) theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Luật NSNN số 89/2025/QH15 “Các khoản thu từ thuế, phí, lệ phí và các khoản thu khác thuộc ngân sách theo quy định của pháp luật được tổng hợp đầy đủ vào cân đối ngân sách nhà nước theo nguyên tắc không gắn với nhiệm vụ chi cụ thể. Trường hợp có khoản thu cần gắn với nhiệm vụ chi cụ thể theo quy định của pháp luật thì được bố trí tương ứng từ các khoản thu này trong dự toán chi ngân sách để thực hiện). Phù hợp Nghị quyết của HĐND tỉnh phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn ngân sách địa phương từ
-	Dự án do ngân sách cấp xã đầu tư	30	70	-	Các dự án do ngân sách cấp xã cân đối (gồm chi phí giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng...)		100		Các dự án do ngân sách cấp xã cân đối (gồm chi phí giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng...): Cấp xã hưởng 100%. Để khuyến khích cấp xã chủ động tổ chức thực hiện dự án tạo quỹ đất, có đủ nguồn để bố trí nhiệm vụ chi thực hiện dự án (gồm chi phí giải phóng mặt bằng và đầu tư hạ tầng...) theo quy định tại khoản 1, Điều 7 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, phân thu tăng tạo nguồn cho cấp xã đầu tư hạ tầng trung tâm hành chính xã, phường, đối ứng thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia nhằm phát triển kinh tế xã hội của địa phương.

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
b	Thu từ việc nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn cấp xã.	20	80	b	Thu từ việc nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên địa bàn cấp xã		100	22.398	- Đề xuất sửa từ khoản thu phân chia thành khoản thu ngân sách xã, phường hưởng 100%, nhằm nâng cao trách nhiệm của địa phương trong công tác quản lý đất đai, phát huy tối đa lợi thế của các địa phương, tăng thu ngân sách, nâng dần mức độ tự chủ tự cân đối của ngân sách địa phương. - Theo số liệu theo dõi thu ngân sách các năm khoản thu này phát sinh không lớn, nhiệm vụ gắn với địa bàn các xã, phường (Cụ thể: năm 2024: 10.555 triệu đồng; năm 2025: 22.398 triệu đồng; năm 2026 tính đến ngày 10/8/2026: 11.181 triệu đồng).
c	Các dự án giao cho nhà đầu tư tự bỏ vốn làm chủ dự án và các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất. Trường hợp dự án sử dụng đất có diện tích trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên thì tiền sử dụng đất phần ngân sách xã, phường được hưởng thực hiện phân chia theo chỉ tiêu diện tích.			c	Các dự án giao cho nhà đầu tư tự bỏ vốn làm chủ dự án và các dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu có sử dụng đất. Trường hợp dự án sử dụng đất có diện tích trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên thì tiền sử dụng đất phần ngân sách xã, phường được hưởng thực hiện phân chia theo chỉ tiêu diện tích.				
-	Trên địa bàn các phường	70	30	-	Trên địa bàn các phường	50	50		Đề xuất nâng tỷ lệ phần trăm ngân sách phường hưởng từ 30% lên 50%, nhằm phát huy tối đa lợi thế của các phường tạo nguồn để các phường chủ động thực hiện các dự án cải tạo nâng cấp đô thị, nơi đặt trung tâm hành chính của tỉnh;
-	Trên địa bàn các xã	30	70	-	Trên địa bàn các xã	20	80		Đề xuất nâng tỷ lệ phần trăm ngân sách xã, phường hưởng từ 70% lên 80% nhằm tăng nguồn thu tiền sử dụng đất cho cấp xã, để cấp xã có thêm nguồn lực đầu tư từ nguồn sử dụng đất theo phân cấp.
				d	Thu từ việc đấu giá đất đối với đất dôi dư, các thửa đất xen kẹt trong khu dân cư hoặc các thửa đất đã thực hiện xong việc thu hồi đất.		100		Bổ sung điểm này để giải quyết vấn đề phát sinh trong thực hiện mà chưa có quy định cụ thể; phần cho ngân sách cấp xã hưởng 100%, nhằm nâng cao trách nhiệm của địa phương trong công tác quản lý đất đai, phát huy tối đa lợi thế của các địa phương, tăng thu ngân sách, nâng dần mức độ tự chủ tự cân đối của NSDP.

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
30	Thu tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15, trừ thu tiền thuê đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc trung ương quản lý theo quy định tại điểm h khoản 1, Điều 36 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15. Trường hợp đất thuê có diện tích trên địa bàn từ 02 xã, phường trở lên thì tiền thuê đất thực hiện phân chia theo chỉ tiêu diện tích			30	Thu tiền thuê đất (phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định)		100	10.208	- Sửa tên khoản thu tiền thuê đất phần ngân sách địa phương được hưởng theo quy định tại điểm g, Khoản 2, Điều 36 Luật NSNN số 89/2025/QH15, để đảm bảo ngắn gọn và ổn định đồng nhất sau khi Quốc hội ban hành Luật Ngân sách hợp nhất và tỷ lệ phần trăm ngân sách địa phương hưởng đã được quy định trong Luật Ngân sách. - Đề xuất sửa từ khoản thu phân chia thành khoản thu cho ngân sách xã, phường hưởng 100% nhằm nâng cao trách nhiệm của cấp xã trong quản lý đất đai, phát huy tối đa lợi thế của các xã, phường, tăng thu cho ngân sách, nâng dần mức độ tự chủ tự cân đối của ngân sách cấp xã. Theo số liệu theo dõi thu ngân sách các năm khoản thu này phát sinh không lớn, nhiệm vụ gắn với địa bàn các xã, phường (năm 2024: 12.305 triệu đồng; năm 2025: 10.028 triệu đồng; 7 tháng năm 2026: 13.863 triệu đồng)
a	Tổ chức, doanh nghiệp	100							
b	Cá nhân, hộ gia đình		100						
31	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản		100	31	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			755	
32	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			32	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			3.141.049	
a	Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh	100		a	Chuyển nguồn ngân sách cấp tỉnh			2.773.736	
b	Chuyển nguồn ngân sách xã, phường		100	b	Chuyển nguồn ngân sách xã, phường			367.313	
33	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			33	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			11.020.667	
a	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh	100		a	Ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách tỉnh			11.020.667	
b	Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách xã, phường		100	b	Ngân sách tỉnh bổ sung cho ngân sách xã, phường				
34	Thu kết dư ngân sách			34	Thu kết dư ngân sách			102	
a	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	100		a	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			102	
b	Kết dư ngân sách cấp xã		100	b	Kết dư ngân sách cấp xã				
35	Thu khác từ đất			35	Thu khác từ đất				
a	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý	100		a	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công do cấp tỉnh quản lý				
b	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã, phường quản lý		100	b	Tiền đền bù thiệt hại đất từ quỹ đất công ích do xã, phường quản lý				
36	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật			36	Các khoản thu khác theo quy định của pháp luật			96.993	
a	Thu khác của ngân sách cấp tỉnh	100		a	Thu khác của ngân sách cấp tỉnh				
b	Thu khác của ngân sách xã, phường		100	b	Thu khác của ngân sách xã, phường				

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
B	NHIỆM VỤ CHI			B	NHIỆM VỤ CHI				
Mục 1	NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			Mục 1	NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH				Giữ nguyên quy định tại Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND
Điều 7	Chi đầu tư phát triển			Điều 7	Chi đầu tư phát triển				
	1. Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết này, từ các nguồn vốn đầu tư:								
	a) Nguồn xây dựng cơ bản tập trung; nguồn ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu, Chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài.								
	b) Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất; nguồn thu từ bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất.								
	c) Nguồn vốn vay của tỉnh.								
	d) Nguồn thu từ hoạt động xổ số kiến thiết, kể cả hoạt động xổ số điện toán.								
	e) Các nguồn vốn hợp pháp khác do tỉnh quản lý.								
	2. Đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích thiết yếu cho xã hội do Nhà nước đặt hàng; các tổ chức kinh tế; các tổ chức tài chính của địa phương; đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp của địa phương theo quy định của pháp luật.								
	3. Cấp bù chênh lệch lãi suất, phí quản lý và ủy thác cho vay qua ngân hàng chính sách để thực hiện các chính sách phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương.								
	4. Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.								
	5. Các khoản chi đầu tư phát triển khác theo quy định của pháp luật.								

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
Điều 8	Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trong các lĩnh vực			Điều 8	Chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh trong các lĩnh vực				
	1. Sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề, gồm:								
	a) Giáo dục Trung học phổ thông; phổ thông dân tộc nội trú Trung học phổ thông , giáo dục nghề nghiệp, giáo dục thường xuyên hướng nghiệp và các hoạt động giáo dục khác của tỉnh.								
	b) Giáo dục đại học, cao đẳng, trung cấp, đào tạo nghề, đào tạo ngắn hạn, đào tạo bồi dưỡng lý luận chính trị và các hình thức đào tạo bồi dưỡng khác.								
	2. Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số gồm:								
	- Hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (bao gồm cả công tác quản lý hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo) của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.								
	- Hoạt động chuyển đổi số (bao gồm hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin theo quy định của Chính phủ phục vụ quản lý ở cả hai cấp tỉnh, xã) và ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.								
	3. Các nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, trật tự an toàn xã hội do cơ quan cấp tỉnh thực hiện theo quy định của Chính phủ.								
	4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, gồm:								
	a) Truyền thông, giáo dục sức khỏe; y tế dự phòng; khám bệnh, chữa bệnh và phục hồi chức năng; giám định y khoa, giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần; an toàn thực phẩm; kiểm nghiệm thuốc, nguyên liệu làm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, vắc xin, sinh phẩm; chăm sóc sức khỏe người cao tuổi và các hoạt động y tế khác.								
	b) Dân số và sức khỏe sinh sản .								
	c) Hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho các đối tượng do địa phương quản lý.								

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
	5. Sự nghiệp văn hóa, thông tin, gồm: Chi hoạt động phim ảnh, bảo tồn, bảo tàng, thư viện, các hoạt động văn hóa nghệ thuật và các hoạt động văn hóa khác (bao gồm các hoạt động của các thiết chế văn hóa do tỉnh quản lý). Các hoạt động thông tin, truyền thông cấp tỉnh quản lý và các hoạt động văn hóa khác.								
	6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình, gồm: Phát thanh, truyền hình và các hoạt động phát thanh - truyền hình khác.								
	7. Sự nghiệp thể dục, thể thao, gồm: Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện các huấn luyện viên, vận động viên các đội tuyển cấp tỉnh; các giải thi đấu cấp tỉnh, khu vực và toàn quốc; tham gia các giải thi đấu do Trung ương và khu vực tổ chức; hoạt động của các cơ sở thi đấu thể dục thể thao; các hoạt động thể dục thể thao khác do cấp tỉnh quản lý.								
	8. Sự nghiệp bảo vệ môi trường, gồm: Các nội dung chi thực hiện theo phân định các nhiệm vụ chi bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.								
	9. Các hoạt động kinh tế, gồm:								
	a) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, bảo vệ nguồn lợi thủy sản do các đơn vị tỉnh quản lý.								
	b) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác do tỉnh quản lý; Quản lý, vận hành và khai thác bến phà do tỉnh quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường tỉnh quản lý.								

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
	c) Sự nghiệp tài nguyên: Quản lý đất đai; đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai; địa chất và khoáng sản; tài nguyên nước; khí tượng thủy văn và giám sát biến đổi khí hậu; xây dựng hệ thống quan trắc tự động, liên tục (<i>đất, nước, không khí</i>); xây dựng hệ thống theo dõi giám sát khai thác khoáng sản; xây dựng hệ thống quản lý, giám sát khai thác sử dụng tài nguyên nước; viễn thám; đa dạng sinh học và các nhiệm vụ chi khác thuộc lĩnh vực tài nguyên.								
	d) Sự nghiệp thị chính: Duy tu, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, đèn trang trí, đèn tín hiệu giao thông, vỉa hè, hệ thống cấp thoát nước và các sự nghiệp thị chính khác.								
	đ) Hoạt động thương mại, du lịch do cơ quan, đơn vị cấp tỉnh thực hiện.								
	e) Các sự nghiệp kinh tế khác do tỉnh quản lý.								
	10. Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức chính trị, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.								
	11. Chi bảo đảm xã hội: Thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội đối với các đối tượng tại các cơ sở bảo trợ xã hội do cấp tỉnh quản lý, hoạt động của cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp, trung tâm điều dưỡng người có công và dịch vụ việc làm do cấp tỉnh quản lý; chi mua thẻ bảo hiểm y tế cho các đối tượng bảo trợ xã hội; thực hiện các chế độ, chính sách an sinh xã hội khác do cấp tỉnh quản lý.								
	12. Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.								
	13. Các khoản chi thường xuyên khác theo quy định của pháp luật								
Điều 9	Các khoản chi khác của ngân sách cấp tỉnh			Điều 9	Các khoản chi khác của ngân sách cấp tỉnh				

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
	1. Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương cấp tỉnh vay.								
	2. Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính cấp tỉnh.								
	3. Chi viện trợ theo quy định của Chính phủ.								
	4. Chi cho vay theo quy định của Chính phủ.								
	5. Chi chuyển nguồn sang năm sang năm sau của ngân sách tỉnh.								
	6. Chi bổ sung cân đối, bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.								
	7. Chi sự nghiệp trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và nhiệm vụ khác bổ sung có mục tiêu từ ngân sách Trung ương.								
	8. Chi thực hiện các đề án, nghị quyết theo ngành, lĩnh vực được cấp có thẩm quyền phê duyệt.								
	9. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ quy định tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết này.								
	10. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.								
Mục 2	NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ			Mục 2	NHIỆM VỤ CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ				
Điều 10	Chi đầu tư phát triển			Điều 10	Chi đầu tư phát triển				
	Chi đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do xã, phường quản lý và trong phạm vi ngân sách của xã, phường, gồm:				1. Đầu tư công cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án và đối tượng đầu tư công khác do cấp xã quản lý theo quy định thuộc các lĩnh vực quy định tại Điều 11 Nghị quyết này và thực hiện nhiệm vụ chi quy định tại điểm d, khoản 5 Điều 2 Nghị quyết này, từ nguồn:				Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội thì ngân sách cấp xã được phân cấp quản đã quy định chính quyền cấp xã được phân cấp trực tiếp thực hiện toàn bộ các khâu chủ yếu của trong quá trình chuẩn bị, thực hiện và quản lý dự án nhóm B, Nhóm C sử dụng vốn NSDP thuộc cấp xã quản lý (bao gồm cả vốn bổ sung của ngân sách cấp trên và nguồn hợp pháp của địa phương); Quyết định số 16/2026/QĐ-CTUBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về phân cấp quyết định đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tuy nhiên, Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND chưa phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển cho ngân sách cấp xã “Đầu tư cho các chương trình, dự án, nhiệm vụ và đối tượng đầu tư công khác do địa phương quản lý theo quy định của Luật Đầu tư công và thực hiện các nhiệm vụ chi quy định tại điểm d, khoản 5, Điều 9 của Luật
	1. Đầu tư các công trình trên địa bàn theo phân cấp từ nguồn tăng thu ngân sách xã, phường, nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, phường.				a) Nguồn đầu tư xây dựng cơ bản bán tập trung; nguồn chương trình mục tiêu quốc gia; nguồn ngân sách tỉnh bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã.				
	2. Đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình trên địa bàn xã, phường theo phân cấp từ nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được để lại, tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và các nguồn khác theo quy định.				b) Nguồn tăng thu, dự toán chi còn lại ngân sách xã, phường; nguồn đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân cho ngân sách xã, phường.				

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
	3. Chương trình mục tiêu quốc gia được phân cấp theo quy định.				c) Nguồn thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được để lại, tiền đền bù thiệt hại khi nhà nước thu hồi đất và các nguồn khác theo quy định.				Ngân sách”. Do vậy cần sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp xã để phù hợp với nhiệm vụ được phân cấp của cấp xã tại Điều 3 Quyết định số 16/2026/QĐ-CTUBND ngày 13/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh về phân cấp quyết định đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý trên địa bàn tỉnh Lai Châu, theo đó Chủ tịch UBND xã, phường được phân cấp quyết định đầu tư dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh quản lý thực hiện đầu tư trên địa bàn hành chính xã, phường có tổng mức từ 15 tỷ đồng trở xuống đối với phường và từ 10 tỷ đồng trở xuống đối với xã; Công văn số 10716/BTC-NSNN ngày 22/7/2026 Bộ Tài chính ban hành về một số nội dung liên quan đến đảm bảo nguồn lực và phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa cấp tỉnh và cấp xã; trong đó yêu cầu đánh giá khả năng, điều kiện thực hiện chủ trương tiếp tục tăng tỷ lệ phần trăm % nguồn thu để lại cho cấp xã; tăng phân cấp nhiệm vụ chi (đầu tư phát triển, thường xuyên) cho chính quyền cấp xã.
					d) Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15.				
	4. Chi đầu tư xây dựng các công trình phúc lợi công cộng, điện chiếu sáng, cấp thoát nước, giao thông nội thị, an toàn giao thông, vệ sinh đô thị đối với các phường Đoàn Kết, Tân Phong.				2. Các nguồn vốn hợp pháp khác do cấp xã quản lý”.				
	5. Các nguồn vốn hợp pháp khác do cấp xã quản lý.								
Điều 11	Chi thường xuyên trong các lĩnh vực			Điều 11	Chi thường xuyên trong các lĩnh vực				
	1. Chi sự nghiệp giáo dục - đào tạo và dạy nghề: Giáo dục mầm non, Giáo dục phổ thông (tiểu học, trung học cơ sở) và chi sự nghiệp giáo dục khác do cấp xã quản lý; Chính sách hỗ trợ học nghề, đào tạo nghề lao động nông thôn do cấp xã quản lý; Trung tâm bồi dưỡng chính trị do xã, phường quản lý; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và đối tượng khác theo phân cấp.								
	2. Sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số: Hoạt động quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của các cơ quan, đơn vị cấp xã; ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo và các hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo khác.								
	3. Chi quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội của cấp xã theo quy định.								

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
	4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: Chi các hoạt động phòng bệnh, chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh theo quy định; hoạt động dự phòng do cấp xã thực hiện.				4. Sự nghiệp y tế, dân số và gia đình, gồm: Truyền thông, giáo dục sức khỏe; y tế dự phòng; phòng bệnh; khám bệnh, chữa bệnh; quản lý, nâng cao sức khỏe cộng đồng; bảo vệ, chăm sóc bà mẹ và trẻ em; chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật; dân số; an toàn thực phẩm; dược; thiết bị y tế và các dịch vụ y tế khác theo quy định của pháp luật.				Sửa đổi, bổ sung để bao quát đầy đủ chức năng, nhiệm vụ của trạm y tế xã, phường theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư số 43/2025/TT-BYT ngày 15/11/2025 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 53/2025/TT-BYT ngày 31/12/2025 của Bộ Y tế
	5. Chi sự nghiệp văn hóa thông tin: Tổ chức các hoạt động nghệ thuật và giải trí, hội thi hội diễn và các hoạt động văn hóa thông tin, tuyên truyền khác của cấp xã.								
	6. Sự nghiệp phát thanh, truyền hình: Chi các hoạt động truyền thanh, truyền hình do cấp xã quản lý.								
	7. Sự nghiệp thể dục, thể thao: Bồi dưỡng, huấn luyện vận động viên các đội tuyển cấp xã trong thời gian tập trung thi đấu các giải thể thao do cấp tỉnh tổ chức; hoạt động của các trung tâm văn hóa - thông tin và thể thao (nhiệm vụ chỉ hoạt động thể dục, thể thao) do xã quản lý và các hoạt động sự nghiệp thể dục thể thao khác.								
	8. Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường: Các nội dung chỉ thực hiện theo phân định các nhiệm vụ chỉ bảo vệ môi trường sử dụng ngân sách địa phương của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.								
	9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý, gồm:				9. Các hoạt động sự nghiệp kinh tế do cấp xã quản lý, gồm:				
	a) Sự nghiệp thị chính: Xây dựng, duy tu, sửa chữa, bảo dưỡng hệ thống đèn chiếu sáng, vỉa hè, hệ thống thoát nước, công viên cây xanh, chăm sóc cây xanh và các sự nghiệp thị chính khác do cấp xã quản lý.								
	b) Sự nghiệp giao thông: Duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa cầu, đường và các công trình giao thông khác do cấp xã quản lý; lập biển báo và các biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trên các tuyến đường do cấp xã quản lý.								

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
	c) Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi, ngư nghiệp và lâm nghiệp: Duy tu, bảo dưỡng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; công tác khuyến lâm, khuyến nông, khuyến ngư; chi khoanh nuôi, bảo vệ, phòng chống cháy rừng, chi hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi do cấp xã quản lý; chi thực hiện các đề án, nghị quyết phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp do Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành.								
	d) Sự nghiệp tài nguyên: Chi quản lý tài nguyên khoáng sản, tài nguyên nước; đo đạc địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất hàng năm; thống kê, kiểm kê đất đai định kỳ theo quy định của Luật Đất đai; xây dựng giá đất; quản lý, tập huấn, tuyên truyền, thu thập, xử lý thông tin, lưu trữ, cập nhật và cung cấp tư liệu đo đạc bản đồ và quản lý đất đai do cấp xã quản lý.								
	đ) Sự nghiệp kinh tế khác: Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế thuộc cấp xã, chi cho công tác quy hoạch theo từng lĩnh vực do cấp xã thực hiện và chi các chương trình kinh tế khác do cấp xã quản lý.				đ) Sự nghiệp kinh tế khác: Chi hoạt động của các đơn vị sự nghiệp kinh tế thuộc cấp xã; Chi thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật về quy hoạch và chi các chương trình kinh tế khác do cấp xã quản lý.				Sửa đổi, bổ sung nhiệm vụ "Chi thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch thuộc trách nhiệm của cấp xã theo quy định của pháp luật về quy hoạch" để phù hợp với quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn được quy định tại Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ. Đồng thời phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 24 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP (Quy định nguồn kinh phí): Nêu rõ nguồn chi thường xuyên của ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động quy hoạch bao gồm kinh phí của các địa phương do ngân sách địa phương tự bảo đảm theo phân cấp.
	e) Hoạt động thương mại, du lịch do cơ quan, đơn vị cấp xã thực hiện.								
	f) Các sự nghiệp kinh tế khác do xã, phường quản lý.								
	10. Chi quản lý hành chính của các cơ quan nhà nước, cơ quan Đảng do cấp xã quản lý; Chi hoạt động của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã và các tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã; hỗ trợ các tổ chức xã hội theo quy định của pháp luật.								

Nghị quyết số 79/2025/NQ-HĐND ngày 04/11/2025				Nội dung đề xuất sửa đổi, bổ sung				Số thu NSNN năm 2025 (triệu đồng)	Thuyết minh lý do đề xuất sửa đổi, bổ sung
STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia		STT	Nội dung các khoản thu	Tỷ lệ (%) phân chia			
		Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường			Ngân sách tỉnh	Ngân sách xã, phường		
	11. Chi đảm bảo xã hội: Bao gồm cả chi thực hiện các chính sách xã hội theo quy định của pháp luật; các hoạt động xã hội không tập trung như cứu tế xã hội, cứu đói giáp hạt; thăm hỏi các đối tượng chính sách nhân ngày lễ, tết; các chính sách an sinh xã hội do cấp xã quản lý.								
	12. Chi thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 40 của Luật Ngân sách nhà nước năm 2025.								
	13. Các khoản chi thường xuyên khác ở cấp xã theo quy định của pháp luật.								
Điều 12	Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã			Điều 12	Các khoản chi khác của ngân sách cấp xã				
	1. Chi chuyển nguồn ngân sách xã, phường năm trước sang năm sau.								
	2. Chi sự nghiệp trong chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu và Đề án, Nghị quyết, nhiệm vụ bổ sung có mục tiêu từ ngân sách tỉnh.								
	3. Chi hỗ trợ thực hiện một số nhiệm vụ theo quy định tại khoản 5 Điều 2 dự thảo Nghị quyết này.								
	4. Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật.								